

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2018/DS-PT
Ngày: 20/8/2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Phước Tự.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương.

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16/8/2018 và ngày 20/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2017/TLPT-DS, ngày 21/12/2017 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 205/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1/ Võ Văn A - sinh năm 1948,

2/ Võ Thị Cẩm V - sinh năm 1953,

3/ Võ Văn C - sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp Thanh T, xã Nhị M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Võ Thị Đ - sinh năm 1959; (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình H, xã Mỹ H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5/ Võ Văn H - sinh năm 1968; (có mặt).

Địa chỉ: đường Lê L, Khóm 3, Phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn A, bà Võ Thị Cẩm V, ông Võ Văn C là bà Võ Thị Đ, sinh năm: 1959; địa chỉ: ấp Bình H, xã Mỹ H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 28/5/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn: Luật sư Huỳnh Thị Q - Trưởng Văn phòng luật sư Q – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp, (có mặt).

- *Bị đơn:* 1/ Thái Thị H - sinh năm 1961; (có mặt)

Địa chỉ: khóm Mỹ P, Phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Võ Quang T - sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 4, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn: Luật sư Võ Phát T - Văn phòng luật sư Đ – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp, (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Trần Văn Đ - sinh năm 1960; (có mặt)

Địa chỉ: Khóm Mỹ T, phường Mỹ P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Võ Văn C1 - sinh năm 1951; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Hội T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Đoàn Thị H - sinh năm 1975; (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, Phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Ủy ban nhân dân huyện C;

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Chí T - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C;

Địa chỉ: Khóm Mỹ T, thị trấn Mỹ T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Theo đơn kháng cáo của bà Thái Thị H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Võ Văn A, bà Võ Thị Cẩm V, ông Võ Văn C, bà Võ Thị Đ và ông Võ Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị H, ông Võ Văn C1 cùng trình bày: Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của ông nội các ông, bà tên Võ Văn Đ để lại cho cha các ông, bà là ông Võ Văn G từ trước năm 1975. Khoảng năm 1980, khi Nhà nước có chủ trương thành lập Tập đoàn sản xuất thì ông G đã thống nhất đưa đất cho Tập đoàn quản lý. Sau một thời gian hoạt động không hiệu quả đến năm 1986 Tập đoàn tiến hành giao trả đất lại cho ông G, do có nhiều đất nên ông G nhờ mẹ vợ là bà Nguyễn Thị L đứng tên giữ diện tích đất này trên sổ quản lý đăng ký ruộng đất ở cấp xã, nhưng thực tế đất thì vẫn do ông G quản lý và trực tiếp sử dụng, đồng thời là người nộp thuế. Năm 1994 thì ông Võ Văn H là con ông G đứng ra kê khai đất cho bà L để bà L đứng tên QSDĐ giữ nhằm giữ đất cho gia đình, trên cơ sở đó bà L được cấp quyền sử dụng toàn bộ phần đất trên, thuộc các thửa 1237, 1241 và 1277, tờ bản đồ số 1, trước khi kê khai cho bà L đứng tên thì ông G đến nhà bà L (ở Phường 1, thị xã C, nay là thành phố C) để yêu cầu bà L làm tờ giấy trả đất và bà L đồng ý đến tại Ủy ban nhân dân Phường 1 nhờ

người trong Ủy ban viết giùm và Ủy ban nhân dân Phường 1 xác nhận vào tờ trả đất. Năm 2002, bà L có đưa cho các nguyên đơn Giấy chứng minh nhân dân và Tờ trả đất để các nguyên đơn đi đăng ký làm thủ tục sang tên từ bà L cho các nguyên đơn đứng tên, nhưng do đất đang có khiếu nại bồi thường về ô nhiễm và hoa lợi trên đất nên không tiến hành sang tên được. Đến năm 2004 thì bà L tiếp tục đồng ý giao lại các giấy tờ để các nguyên đơn làm thủ tục sang tên, tuy nhiên sau đó 01 tháng thì bà L chết, khi đó các nguyên đơn đến Ủy ban nhân dân xã để xin chuyển tên quyền sử dụng đất, thì được xã giải thích phải chuyển qua tên bà Thái Thị H là người thừa kế duy nhất của bà L, sau đó bà H mới chuyển tên lại cho các nguyên đơn đứng tên thì mới đúng quy định của Luật đất đai, từ hướng dẫn này các nguyên đơn đã gặp và thỏa thuận với bà Thái Thị H con của bà L để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ bà L sang cho bà H và khi bà H đứng tên quyền sử dụng đất thì chuyển tên qua các nguyên đơn đứng tên cho hợp pháp, để làm thủ tục này các nguyên đơn phải hỗ trợ cho bà H 20.000.000đ, thực tế các nguyên đơn đã giao trước cho bà H là 13.000.000đ. Tuy nhiên, sau khi bà H được đứng tên quyền sử dụng đất thì bà H không thực hiện đúng thỏa thuận nên các nguyên đơn tranh chấp cho đến nay. Sự việc được tiến hành hòa giải tại Ban nhân dân ấp Thanh T ngày 14/5/2015 nhưng không thành và tại đây bà H đã trả lại số tiền 13.000.000đ cho các nguyên đơn trước sự chứng kiến của Ban nhân dân ấp. Các nguyên đơn không thừa nhận thuê đất như lời bà H trình bày. Dù biết rõ đất đang tranh chấp, nhưng bà H đã chuyển nhượng lại toàn bộ phần đất này cho anh Võ Quang T ngày 28/7/2015 sau đó anh T chuyển nhượng lại cho ông Trần Văn Đ ngày 30/11/2015 hiện tại phần đất đang tranh chấp gồm các thửa số 80 tờ bản đồ số 8, thửa số 256, thửa số 264, thửa số 271 và thửa số 280 cùng tờ bản đồ số 4, ấp Thanh T, xã Nhị M do ông Đ đứng tên quyền sử dụng, nhưng các nguyên đơn là người trực tiếp canh tác.

Nay ông A, bà Vân, bà Đ, ông C và ông H yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đ đối với phần đất tranh chấp, thuộc các thửa 80 tờ bản đồ số 8 và các thửa số 256, 264, 271 và 280 cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp Thanh T, xã Nhị M, huyện C đồng thời yêu cầu công nhận quyền sử dụng toàn bộ diện tích trên cho các nguyên đơn.

Bà Thái Thị H trình bày: Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của mẹ bà tên Nguyễn Thị L với diện tích đất là 13.046m² (diện tích đo đạc thực tế là 13.381,6m²); còn việc từ đâu bà L có thì bà không biết, bà L được cấp đất năm 1994, việc cấp đất cho bà L là cấp lần đầu và khi cấp đất thì bà L có canh tác đất. Trước năm 1993 thì bà L sống ở xã Nhị M, từ năm 1993 thì bà L về sinh sống với bà ở Phường 1 thành phố C. Bà là con duy nhất của bà L, khoảng thời gian trước khi chết, do tuổi cao nên bà L cho các nguyên đơn thuê lại đất canh tác, giá thuê bao nhiêu thì bà không biết rõ, nhưng có thấy mỗi lần các nguyên đơn đến nhà trả tiền và gạo thuê đất này. Năm 2004, bà L chết, bà là con duy nhất nên được thừa hưởng toàn bộ diện tích đất 13.046m² nêu trên và bà cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2014 gồm các thửa 271, 264, 280, 256 và thửa đất số 80. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà có đến yêu cầu các nguyên đơn trả lại đất (chỉ nói miệng) nhưng các nguyên đơn không đồng ý trả đất từ đó xảy ra tranh chấp cho đến nay, Bà không thừa nhận giấy trả đất do các nguyên đơn đưa ra vì mẹ bà là bà L không biết chữ. Ngoài ra bà H cũng trình bày vào năm 2014 không có thỏa thuận với các nguyên đơn về việc chuyển tên quyền

sử dụng đất từ bà L sang cho bà Đ sau đó bà chuyển tên lại cho các nguyên đơn, đồng thời bà cũng không có nhận 13.000.000đ như các nguyên đơn đã trình bày. Phần đất tranh chấp 13.381,6m² bà Thái Thị H được cấp giấy CNQSDĐ ngày 13/01/2015 có nguồn gốc sử dụng từ nhận thừa kế của bà Nguyễn Thị L nên bà H đã chuyển nhượng cho anh Võ Quang T ngày 28/7/2015 và anh T đã chuyển nhượng lại cho Trần Văn Đ ngày 30/11/2015 hiện tại ông Trần Văn Đ là người đứng tên quyền sử dụng. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà L đến ông Đ theo đúng quy định của pháp luật, do đó bà Thái Thị H không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Anh Võ Quang T, ông Trần Văn Đ trình bày: Xác định là có nhận chuyển nhượng đất của bà Thái Thị H như bà H đã khai, việc chuyển nhượng đất là thực hiện trên giấy chứng nhận, không ra thực địa, cho nên anh T và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết gì trong vụ kiện này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn ông Võ Văn A, bà Võ Thị Cẩm V, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn C và ông Võ Văn H.

- Ông Võ Văn A, bà Võ Thị Cẩm V, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn C và ông Võ Văn H là những người có quyền sử dụng và được tiếp tục sử dụng đối với phần đất tranh chấp gồm các thửa số 80, tờ bản đồ số 8; các thửa số 256, 264, 271 và 280 cùng tờ bản đồ số 4 tại ấp Thanh T, xã Nhị M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (hiện trạng đất theo các Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/01/2016, ngày 04/3/2016 và các Sơ đồ đo đạc ngày 18/01/2016, ngày 28/3/2016).

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Văn Đ đối với các thửa đất số 80 tờ bản đồ số 8; các thửa số 256, 264, 271 và 280 cùng tờ bản đồ số 4 tại ấp Thanh T, xã Nhị M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Võ Văn A, bà Võ Thị Cẩm V, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn C và ông Võ Văn H có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đối với toàn bộ phần đất nói trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- + Bà Thái Thị H, anh Võ Quang T và ông Trần Văn Đ phải liên đới chịu 33.438.000 đồng.

- + Ông Võ Văn A, bà Võ Thị Cẩm V, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn C và ông Võ Văn H không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại 16.780.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 037308 ngày 09/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá: Bà Thái Thị H, anh Võ Quang T và ông Trần Văn Đ phải liên đới chịu tổng cộng 5.649.200 đồng; bà H, anh T, ông Đ nộp để trả lại cho các nguyên đơn vì các nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước và đã chi xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2017 bà Thái Thị H là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Thái Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn Luật sư Võ Phát T đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do vi phạm tố tụng nghiêm trọng vì xác định sai tư cách tố tụng bà Thái Thị H và anh Võ Quang T là bị đơn, thực tế bà H và anh T không phải là người đang sử dụng cũng như là người đứng tên quyền sử dụng đất, hiện tại đất tranh chấp đang do ông Trần Văn Đ đứng tên QSD, cho nên, bà H và anh T không còn đối tượng đề giao cho các nguyên đơn. Về nội dung vụ án chính ông Võ Văn H là người kê khai đất cho bà L nên việc cấp đất cho bà L là đúng quy định của luật đất đai, khi cấp đất có niêm yết công khai và không có ai tranh chấp, vấn đề này đã được Ủy ban nhân dân huyện C xác nhận bằng văn bản; Tờ trả đất là không có giá trị pháp lý vì người xác nhận đã có lời khai chỉ xác nhận nơi cư trú, hơn nữa diện tích ghi trong giấy là 9,400 công không đúng với diện tích tranh chấp; Bà H là người thừa kế duy nhất của bà L đã được cấp giấy CNQSD đất một cách hợp pháp cho nên Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn là làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bị đơn, ngoài ra án sơ thẩm buộc anh Võ Quang T và ông Trần Văn Đ chịu án phí sơ thẩm là không đúng nên đề nghị hủy án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Các nguyên đơn ông Võ Văn A, bà Võ Thị Cẩm V, ông Võ Văn C, bà Võ Thị Đ và ông Võ Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn Luật sư Huỳnh Thị Q đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của các nguyên đơn vì rõ ràng nguồn gốc đất là của cha các nguyên đơn nhờ bà Nguyễn Thị L là mẹ của bà Thái Thị H đứng tên giùm, bà L và bà H không có một ngày canh tác đất, trong khi đó ông G và các nguyên đơn đã trực tiếp canh tác, nộp thuế cho Nhà nước từ trước năm 1975 đến nay, do đó bản án của Tòa án huyện C tuyên là có căn cứ nên cần giữ y án sơ thẩm và đề nghị bác toàn bộ kháng cáo của bà Thái Thị H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý xem xét giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên còn một số đương sự liên quan chưa chấp hành nghiêm giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Diện tích tranh chấp 13.381,6m² có nguồn gốc là của ông G đã được các nguyên đơn, bị đơn xác định, các nguyên đơn là người trực tiếp sử dụng liên tục từ trước năm 1975 đến nay, đất tranh chấp đã được ấp Thanh T, xã Nhị M tiến hành hòa giải ngày 14/5/2015 và tranh chấp cho đến nay, nhưng bà H biết mà cố ý chuyển nhượng cho anh Võ Quang T và sau đó anh T chuyển nhượng cho ông Trần Văn Đ là không đúng Luật đất đai, hơn nữa bà L được cấp đất nhưng không phải do chính bà kê khai, mà ông Võ Văn H là người kê khai thay, nên

không phù hợp với Nghị định 43 của Chính phủ, vì vậy, cần phải giữ nguyên bản án sơ thẩm phần công nhận đất cho các nguyên đơn, tuy nhiên bản án sơ thẩm chỉ tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Văn Đ đứng tên thì chưa đầy đủ vì đất tranh chấp trước đó có bà Nguyễn Thị L, bà Thái Thị H, anh Võ Quang T đứng tên sử dụng, nhưng không hợp pháp, nên cần phải hủy hết tất cả các giấy chứng nhận của bà L, bà H, anh T và ông Đ để các nguyên đơn đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng theo đúng quy định của Luật đất đai, cho nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa một phần bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Án sơ thẩm công nhận quyền sử dụng đất gồm các thửa số 80, tờ bản đồ số 8; các thửa số 256, 264, 271 và 280 cùng tờ bản đồ số 4, tại ấp Thanh T, xã Nhị M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cho các nguyên đơn ông Võ Văn A, bà Võ Thị Cẩm V, ông Võ Văn C, bà Võ Thị Đ và ông Võ Văn H là có căn cứ, phù hợp với thực tế khách quan, vì đất trên có nguồn gốc từ ông Võ Văn G là cha của các nguyên đơn, vấn đề này đã được các đương sự thừa nhận, những người trong ban quản lý Tập đoàn sản xuất giai đoạn năm 1980 đến năm 1986 cũng xác nhận, đồng thời các nguyên đơn là những người trực tiếp canh tác liên tục từ năm 1975 đến nay. Vào năm 1994 diện tích tranh chấp bà Nguyễn Thị L là người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng bà chỉ đứng tên giùm cho con rể là ông Võ Văn G (cha các nguyên đơn) điều này được chứng minh qua tờ trả đất của bà L ký ngày 13/06/1993 và bà L không trực tiếp quản lý sử dụng đất, người kê khai đất là ông Võ Văn H (con ông G), đồng thời trước khi bà Thái Thị H được đứng tên thừa kế quyền sử dụng đất thì bà H đã thỏa thuận với phía nguyên đơn là nhận trước 13.000.000 đồng trên tổng số 20.000.000 đồng, để khi được đứng tên quyền sử dụng đất thì bà sẽ chuyển lại cho các nguyên đơn đứng tên, cho nên Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn là đúng với Điều 203, Điều 26, Điều 166 Luật đất đai. Vì vậy, cần giữ nguyên phần công nhận quyền sử dụng đất của án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ.

Xét kháng cáo của bị đơn Thái Thị H cũng như lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H cho rằng diện tích đất tranh chấp là của đương sự được thừa kế từ mẹ là bà Nguyễn Thị L, Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận cho bà đứng tên quyền sử dụng đúng theo trình tự thủ tục, không có tranh chấp, nên bà H đứng tên quyền sử dụng là hợp pháp, bà L cho các nguyên đơn thuê bằng hợp đồng miệng, hơn nữa giấy trả đất ghi không đúng diện tích là không hợp pháp, nên bà yêu cầu các nguyên đơn trả đất lại cho bà, nhưng lời trình bày của bà Thái Thị H không có gì chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

[2] Thực tế diện tích đất tranh chấp 13.381,6m² tại thửa số 80, tờ bản đồ số 8 và tại thửa số 256, 264, 271, 280 cùng tờ bản đồ số 4, tại ấp Thanh T, xã Nhị M,

huyện C, tỉnh Đồng Tháp, hiện tại ông Trần Văn Đ là người đứng tên quyền sử dụng đất, do nhận chuyển nhượng từ anh Võ Quang T, anh T được cấp quyền sử dụng đất từ việc nhận chuyển nhượng của bà Thái Thị H người được đứng tên đất với tư cách là người thừa kế duy nhất của bà Nguyễn Thị L, nhưng phần đất tranh chấp là của hộ ông Võ Văn G nhờ bà L là mẹ vợ của ông G đứng tên giùm vào năm 1994, thông qua sự kê khai của ông Võ Văn H con của ông G, bà L đứng tên nhưng các nguyên đơn trực tiếp canh tác đất từ năm 1975 đến nay, việc tranh chấp đã xảy ra từ tháng 5 năm 2015 bà H biết mà vẫn chuyển nhượng đất, về phía anh T và ông Đ khi nhận chuyển nhượng thì không đến thực địa mà chỉ giao dịch trên giấy và lời nói, vì vậy, việc chuyển nhượng đất của các đương sự là không hợp pháp, cho nên án sơ thẩm hủy giấy chứng nhận đã cấp cho ông Trần Văn Đ là đúng pháp luật, tuy nhiên để toàn diện và đảm bảo giai đoạn thi hành án cần phải sửa lại cách tuyên án của án sơ thẩm cụ thể như sau: Hủy toàn bộ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp cho ông Trần Văn Đ, anh Võ Quang T, bà Thái Thị H, bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 80 tờ bản đồ số 8; các thửa số 256, 264, 271 và 280 cùng tờ bản đồ số 4 (trước đây là thửa 1237, 1241 và 1277 cùng tờ bản đồ số 1) đất tại ấp Thanh T, xã Nhị M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Về án phí sơ thẩm và lệ phí đo đạc thẩm định và định giá, bản án sơ thẩm đã tuyên buộc ông Trần Văn Đ và anh Võ Quang T cùng liên đới với bà Thái Thị H chịu án phí sơ thẩm và chi phí thẩm định, định giá. Tuy nhiên xét thấy ông Đ và anh T không yêu cầu giải quyết gì trong vụ án và án sơ thẩm cũng nhận định không xem xét giải quyết nhưng lại tuyên buộc liên đới chịu án phí sơ thẩm cũng như lệ phí đo đạc thẩm định, định giá là không đúng với Điều 147 Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, vì vậy, cần sửa án sơ thẩm buộc bà Thái Thị H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định và định giá cho đúng quy định. Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà Thái Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm phần công nhận quyền sử dụng đất của các nguyên đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa phần tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trần Văn Đ, anh Võ Quang T, bà Thái Thị H và bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 80, tờ bản đồ số 8 và tại thửa số 256, 264, 271, 280 cùng tờ bản đồ số 4 (trước đây là thửa 1237, 1241 và 1277 cùng tờ bản đồ số 1) tại ấp Thanh T, xã Nhị M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vì những người này đứng tên không hợp pháp, có như vậy mới toàn diện và đảm bảo giai đoạn thi hành án; Quan điểm này của Viện kiểm sát là phù hợp với các nguồn chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với thực tế khách quan và có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 203, Điều 26, Điều 166 Luật đất đai; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Thái Thị H.

2/ Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 71/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn ông Võ Văn A, bà Võ Thị Cẩm V, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn C và ông Võ Văn H.

- Công nhận cho ông Võ Văn A, bà Võ Thị Cẩm V, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn C và ông Võ Văn H là những người có quyền sử dụng đất và được tiếp tục sử dụng đối với phần đất tranh chấp có tổng diện tích là 13.381,6m² gồm các thửa số 80, tờ bản đồ số 8; các thửa số 256, 264, 271 và 280 cùng tờ bản đồ số 4, tại ấp Thanh T, xã Nhị M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (hiện trạng đất theo các Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và các Sơ đồ đo đạc ngày 15/01/2016, ngày 04/3/2016).

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Văn Đ, anh Võ Quang T, bà Thái Thị H, bà Nguyễn Thị L đối với các thửa đất số 80 tờ bản đồ số 8; các thửa số 256, 264, 271 và 280 cùng tờ bản đồ số 4 (trước đây là thửa 1237, 1241 và 1277, tờ bản đồ số 1) đất tại ấp Thanh T, xã Nhị M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Võ Văn A, bà Võ Thị Cẩm V, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn C và ông Võ Văn H có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đối với toàn bộ phần đất nói trên.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Thái Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 33.438.000 đồng.

- Ông Võ Văn A, bà Võ Thị Cẩm V, bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn C và ông Võ Văn H không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại 16.780.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 037308 ngày 09/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Anh Võ Quang T và ông Trần Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Thái Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm, bà H được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 16162 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5/ Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá:

- Bà Thái Thị H phải chịu 5.649.200 đồng, do ông Võ Văn C đã nộp tạm ứng trước và đã chi xong, nên buộc bà Thái Thị H hoàn trả lại cho ông Võ Văn C số tiền là 5.649.200 đồng.

- Anh Võ Quang T và ông Trần Văn Đ không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định và định giá.

Đối với số tiền hoàn trả khi có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án, mà bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm phần tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng GDKTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Phước Tự